|  |
| --- |
| **TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI** |
| **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** |
| *Dùng chung cho các bộ sách hiện hành* |
| Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. |
| ***Lưu ý:*** Đánh dấu üvào ô ¨ với mỗi nhận định |
| **PHẦN ĐỀ** |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa.** |
|  | a. Lamarck cho rằng sinh vật thay đổi đặc tính để thích nghi với môi trường sống. | ¨ | ¨ |
|  | b. Lamarck cho rằng sinh vật không thể thay đổi để thích nghi với môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Lamarck tin rằng những thay đổi trong đời sống cá nhân không di truyền lại cho thế hệ sau. | ¨ | ¨ |
|  | d. Quan điểm của Lamarck được chấp nhận rộng rãi trong khoa học hiện đại. | ¨ | ¨ |
| **2** | **Quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa.** |
|  | a. Darwin cho rằng các cá thể có đặc điểm thích nghi tốt hơn sẽ có khả năng sống sót và sinh sản cao hơn. | ¨ | ¨ |
|  | b. Darwin tin rằng sự thay đổi trong môi trường không ảnh hưởng đến tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | c. Theo Darwin, tất cả các cá thể trong một loài đều có khả năng sống sót như nhau. | ¨ | ¨ |
|  | d. Quan điểm của Darwin liên quan đến chọn lọc tự nhiên. | ¨ | ¨ |
| **3** | **Nguồn biến dị di truyền của quần thể.** |
|  | a. Biến dị di truyền là nguyên liệu cho tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | b. Biến dị di truyền không ảnh hưởng đến tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các yếu tố ngẫu nhiên đóng vai trò quan trọng trong biến dị di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tất cả các biến dị di truyền đều có lợi cho sự tiến hóa của quần thể. | ¨ | ¨ |
| **4** | **Các nhân tố tác động vào quá trình tiến hóa.** |
|  | a. Đột biến là một trong những nhân tố chính tạo ra biến dị di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | b. Di - nhập gene có thể ảnh hưởng đến tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc tự nhiên luôn làm tăng tần số allele có lợi trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | d. Giao phối không ngẫu nhiên không ảnh hưởng đến cấu trúc di truyền của quần thể. | ¨ | ¨ |
| **5** | **Quan điểm của Lamarck và Darwin.** |
|  | a. Darwin không tin vào sự thay đổi di truyền trong quá trình tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | b. Lamarck và Darwin đều cho rằng sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa được Darwin hoàn toàn chấp nhận. | ¨ | ¨ |
|  | d. Lamarck và Darwin có những điểm khác biệt trong quan điểm về tiến hóa. | ¨ | ¨ |
| **6** | **Sự hình thành loài mới.** |
|  | a. Tiến hóa có thể dẫn đến sự hình thành loài mới. | ¨ | ¨ |
|  | b. Tiến hóa không bao giờ tạo ra loài mới. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sự thay đổi tần số allele có thể ảnh hưởng đến sự hình thành loài mới. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tất cả các quá trình tiến hóa đều dẫn đến sự hình thành loài mới. | ¨ | ¨ |
| **7** | **Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.** |
|  | a. Tiến hóa nhỏ là sự thay đổi tần số allele trong quần thể qua các thế hệ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Tiến hóa lớn có liên quan đến sự hình thành loài mới. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn không ảnh hưởng đến nhau. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tiến hóa lớn chỉ xảy ra trong môi trường ổn định. | ¨ | ¨ |
| **8** | **Vai trò của các yếu tố ngẫu nhiên trong tiến hóa.** |
|  | a. Yếu tố ngẫu nhiên có thể thay đổi tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | b. Yếu tố ngẫu nhiên không ảnh hưởng đến cấu trúc di truyền của quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | c. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể tạo ra biến dị di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | d. Các yếu tố ngẫu nhiên luôn gây hại cho tiến hóa. | ¨ | ¨ |
| **9** | **Chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.** |
|  | a. Chọn lọc tự nhiên luôn hiệu quả hơn chọn lọc nhân tạo. | ¨ | ¨ |
|  | b. Chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo có liên quan đến nhau. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc nhân tạo có thể tạo ra biến dị di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | d. Cả chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo đều dẫn đến sự thay đổi di truyền. | ¨ | ¨ |
| **10** | **Ứng dụng của thuyết tiến hóa.** |
|  | a. Thuyết tiến hóa giúp hiểu rõ hơn về nguồn gốc và phát triển của loài. | ¨ | ¨ |
|  | b. Thuyết tiến hóa có giá trị thực tiễn trong nghiên cứu khoa học. | ¨ | ¨ |
|  | c. Thuyết tiến hóa chỉ là lý thuyết và không có bằng chứng thực nghiệm. | ¨ | ¨ |
|  | d. Thuyết tiến hóa ảnh hưởng đến các nghiên cứu về di truyền học. | ¨ | ¨ |
| **11** | **Lý thuyết của Lamarck về sự thay đổi của sinh vật.** |
|  | a. Lamarck cho rằng các đặc tính có được trong đời sống sẽ được di truyền lại cho thế hệ sau. | ¨ | ¨ |
|  | b. Lamarck tin rằng môi trường không ảnh hưởng đến sự tiến hóa của sinh vật. | ¨ | ¨ |
|  | c. Lamarck cho rằng sinh vật có thể thay đổi đặc điểm của mình để thích nghi với môi trường. | ¨ | ¨ |
|  | d. Quan điểm của Lamarck đã bị bác bỏ hoàn toàn trong khoa học hiện đại. | ¨ | ¨ |
| **12** | **Lý thuyết của Darwin về chọn lọc tự nhiên.** |
|  | a. Darwin cho rằng những cá thể có đặc điểm phù hợp với môi trường sống sẽ có khả năng sinh tồn và sinh sản cao hơn. | ¨ | ¨ |
|  | b. Darwin tin rằng mọi thay đổi trong quần thể đều do chọn lọc tự nhiên gây ra. | ¨ | ¨ |
|  | c. Theo Darwin, chọn lọc tự nhiên là cơ chế chính của sự tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | d. Darwin tin rằng sự chọn lọc tự nhiên không ảnh hưởng đến quần thể. | ¨ | ¨ |
| **13** | **Biến dị di truyền trong tiến hóa.** |
|  | a. Mọi biến dị di truyền đều có lợi cho sự tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | b. Biến dị di truyền là nguồn nguyên liệu cho quá trình tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | c. Biến dị di truyền có thể xảy ra do đột biến hoặc do di nhập gene. | ¨ | ¨ |
|  | d. Biến dị di truyền không ảnh hưởng đến tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
| **14** | **Vai trò của đột biến trong tiến hóa.** |
|  | a. Đột biến tạo ra những biến đổi di truyền mới trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | b. Đột biến luôn có lợi cho sự tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | c. Đột biến có thể gây hại hoặc có lợi cho sinh vật. | ¨ | ¨ |
|  | d. Đột biến không ảnh hưởng đến sự thay đổi tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
| **15** | **Các nhân tố tác động đến quá trình tiến hóa.** |
|  | a. Chọn lọc tự nhiên giúp duy trì những đặc điểm có lợi trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | b. Di - nhập gene có thể làm thay đổi tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | c. Giao phối ngẫu nhiên không ảnh hưởng đến cấu trúc di truyền của quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | d. Yếu tố ngẫu nhiên có thể làm thay đổi tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
| **16** | **Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.** |
|  | a. Tiến hóa nhỏ là sự thay đổi tần số allele trong quần thể qua các thế hệ. | ¨ | ¨ |
|  | b. Tiến hóa lớn liên quan đến sự hình thành các loài mới. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tiến hóa nhỏ không ảnh hưởng đến tiến hóa lớn. | ¨ | ¨ |
|  | d. Tiến hóa lớn chỉ xảy ra ở những loài có quần thể lớn. | ¨ | ¨ |
| **17** | **Ứng dụng của thuyết tiến hóa trong nông nghiệp.** |
|  | a. Thuyết tiến hóa chỉ áp dụng cho các loài động vật. | ¨ | ¨ |
|  | b. Thuyết tiến hóa không có giá trị trong nông nghiệp. | ¨ | ¨ |
|  | c. Ứng dụng thuyết tiến hóa giúp cải thiện chất lượng giống cây trồng và vật nuôi. | ¨ | ¨ |
|  | d. Thuyết tiến hóa giúp tạo ra các giống cây trồng và vật nuôi có năng suất cao hơn. | ¨ | ¨ |
| **18** | **Vai trò của chọn lọc tự nhiên trong sự thay đổi di truyền.** |
|  | a. Chọn lọc tự nhiên giúp duy trì những đặc điểm có lợi cho sinh vật trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | b. Chọn lọc tự nhiên có thể làm thay đổi tần số allele trong quần thể. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc tự nhiên không ảnh hưởng đến sự tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | d. Chọn lọc tự nhiên chỉ xảy ra ở những loài có tốc độ sinh sản nhanh. | ¨ | ¨ |
| **19** | **Sự khác biệt giữa chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.** |
|  | a. Chọn lọc nhân tạo được con người áp dụng để tạo ra các giống cây trồng và vật nuôi có đặc điểm mong muốn. | ¨ | ¨ |
|  | b. Chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo đều dựa trên sự thay đổi di truyền. | ¨ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc nhân tạo không bao giờ tạo ra những biến đổi di truyền mới. | ¨ | ¨ |
|  | d. Chọn lọc tự nhiên luôn có hiệu quả hơn chọn lọc nhân tạo. | ¨ | ¨ |
| **20** | **Quan điểm hiện đại về tiến hóa.** |
|  | a. Thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại kết hợp lý thuyết của Darwin và các phát hiện di truyền học mới. | ¨ | ¨ |
|  | b. Thuyết tiến hóa hiện đại cho rằng biến dị di truyền không ảnh hưởng đến tiến hóa. | ¨ | ¨ |
|  | c. Tiến hóa là quá trình thay đổi tần số allele trong quần thể qua các thế hệ. | ¨ | ¨ |
|  | d. Thuyết tiến hóa hiện đại không chấp nhận lý thuyết của Darwin. | ¨ | ¨ |
| **PHẦN ĐÁP ÁN** |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa.** |
|  | a. Lamarck cho rằng sinh vật thay đổi đặc tính để thích nghi với môi trường sống. | þ | ¨ |
|  | b. Lamarck cho rằng sinh vật không thể thay đổi để thích nghi với môi trường. | ¨ | þ |
|  | c. Lamarck tin rằng những thay đổi trong đời sống cá nhân không di truyền lại cho thế hệ sau. | ¨ | þ |
|  | d. Quan điểm của Lamarck được chấp nhận rộng rãi trong khoa học hiện đại. | ¨ | þ |
| **2** | **Quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa.** |
|  | a. Darwin cho rằng các cá thể có đặc điểm thích nghi tốt hơn sẽ có khả năng sống sót và sinh sản cao hơn. | þ | ¨ |
|  | b. Darwin tin rằng sự thay đổi trong môi trường không ảnh hưởng đến tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | c. Theo Darwin, tất cả các cá thể trong một loài đều có khả năng sống sót như nhau. | ¨ | þ |
|  | d. Quan điểm của Darwin liên quan đến chọn lọc tự nhiên. | þ | ¨ |
| **3** | **Nguồn biến dị di truyền của quần thể.** |
|  | a. Biến dị di truyền là nguyên liệu cho tiến hóa. | þ | ¨ |
|  | b. Biến dị di truyền không ảnh hưởng đến tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | c. Các yếu tố ngẫu nhiên đóng vai trò quan trọng trong biến dị di truyền. | þ | ¨ |
|  | d. Tất cả các biến dị di truyền đều có lợi cho sự tiến hóa của quần thể. | ¨ | þ |
| **4** | **Các nhân tố tác động vào quá trình tiến hóa.** |
|  | a. Đột biến là một trong những nhân tố chính tạo ra biến dị di truyền. | þ | ¨ |
|  | b. Di - nhập gene có thể ảnh hưởng đến tần số allele trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc tự nhiên luôn làm tăng tần số allele có lợi trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | d. Giao phối không ngẫu nhiên không ảnh hưởng đến cấu trúc di truyền của quần thể. | ¨ | þ |
| **5** | **Quan điểm của Lamarck và Darwin.** |
|  | a. Darwin không tin vào sự thay đổi di truyền trong quá trình tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | b. Lamarck và Darwin đều cho rằng sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường. | þ | ¨ |
|  | c. Quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa được Darwin hoàn toàn chấp nhận. | ¨ | þ |
|  | d. Lamarck và Darwin có những điểm khác biệt trong quan điểm về tiến hóa. | þ | ¨ |
| **6** | **Sự hình thành loài mới.** |
|  | a. Tiến hóa có thể dẫn đến sự hình thành loài mới. | þ | ¨ |
|  | b. Tiến hóa không bao giờ tạo ra loài mới. | ¨ | þ |
|  | c. Sự thay đổi tần số allele có thể ảnh hưởng đến sự hình thành loài mới. | þ | ¨ |
|  | d. Tất cả các quá trình tiến hóa đều dẫn đến sự hình thành loài mới. | ¨ | þ |
| **7** | **Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.** |
|  | a. Tiến hóa nhỏ là sự thay đổi tần số allele trong quần thể qua các thế hệ. | þ | ¨ |
|  | b. Tiến hóa lớn có liên quan đến sự hình thành loài mới. | þ | ¨ |
|  | c. Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn không ảnh hưởng đến nhau. | ¨ | þ |
|  | d. Tiến hóa lớn chỉ xảy ra trong môi trường ổn định. | ¨ | þ |
| **8** | **Vai trò của các yếu tố ngẫu nhiên trong tiến hóa.** |
|  | a. Yếu tố ngẫu nhiên có thể thay đổi tần số allele trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | b. Yếu tố ngẫu nhiên không ảnh hưởng đến cấu trúc di truyền của quần thể. | ¨ | þ |
|  | c. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể tạo ra biến dị di truyền. | þ | ¨ |
|  | d. Các yếu tố ngẫu nhiên luôn gây hại cho tiến hóa. | ¨ | þ |
| **9** | **Chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.** |
|  | a. Chọn lọc tự nhiên luôn hiệu quả hơn chọn lọc nhân tạo. | ¨ | þ |
|  | b. Chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo có liên quan đến nhau. | þ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc nhân tạo có thể tạo ra biến dị di truyền. | þ | ¨ |
|  | d. Cả chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo đều dẫn đến sự thay đổi di truyền. | þ | ¨ |
| **10** | **Ứng dụng của thuyết tiến hóa.** |
|  | a. Thuyết tiến hóa giúp hiểu rõ hơn về nguồn gốc và phát triển của loài. | þ | ¨ |
|  | b. Thuyết tiến hóa có giá trị thực tiễn trong nghiên cứu khoa học. | þ | ¨ |
|  | c. Thuyết tiến hóa chỉ là lý thuyết và không có bằng chứng thực nghiệm. | ¨ | þ |
|  | d. Thuyết tiến hóa ảnh hưởng đến các nghiên cứu về di truyền học. | þ | ¨ |
| **11** | **Lý thuyết của Lamarck về sự thay đổi của sinh vật.** |
|  | a. Lamarck cho rằng các đặc tính có được trong đời sống sẽ được di truyền lại cho thế hệ sau. | þ | ¨ |
|  | b. Lamarck tin rằng môi trường không ảnh hưởng đến sự tiến hóa của sinh vật. | ¨ | þ |
|  | c. Lamarck cho rằng sinh vật có thể thay đổi đặc điểm của mình để thích nghi với môi trường. | þ | ¨ |
|  | d. Quan điểm của Lamarck đã bị bác bỏ hoàn toàn trong khoa học hiện đại. | ¨ | þ |
| **12** | **Lý thuyết của Darwin về chọn lọc tự nhiên.** |
|  | a. Darwin cho rằng những cá thể có đặc điểm phù hợp với môi trường sống sẽ có khả năng sinh tồn và sinh sản cao hơn. | þ | ¨ |
|  | b. Darwin tin rằng mọi thay đổi trong quần thể đều do chọn lọc tự nhiên gây ra. | ¨ | þ |
|  | c. Theo Darwin, chọn lọc tự nhiên là cơ chế chính của sự tiến hóa. | þ | ¨ |
|  | d. Darwin tin rằng sự chọn lọc tự nhiên không ảnh hưởng đến quần thể. | ¨ | þ |
| **13** | **Biến dị di truyền trong tiến hóa.** |
|  | a. Mọi biến dị di truyền đều có lợi cho sự tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | b. Biến dị di truyền là nguồn nguyên liệu cho quá trình tiến hóa. | þ | ¨ |
|  | c. Biến dị di truyền có thể xảy ra do đột biến hoặc do di nhập gene. | þ | ¨ |
|  | d. Biến dị di truyền không ảnh hưởng đến tần số allele trong quần thể. | ¨ | þ |
| **14** | **Vai trò của đột biến trong tiến hóa.** |
|  | a. Đột biến tạo ra những biến đổi di truyền mới trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | b. Đột biến luôn có lợi cho sự tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | c. Đột biến có thể gây hại hoặc có lợi cho sinh vật. | þ | ¨ |
|  | d. Đột biến không ảnh hưởng đến sự thay đổi tần số allele trong quần thể. | ¨ | þ |
| **15** | **Các nhân tố tác động đến quá trình tiến hóa.** |
|  | a. Chọn lọc tự nhiên giúp duy trì những đặc điểm có lợi trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | b. Di - nhập gene có thể làm thay đổi tần số allele trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | c. Giao phối ngẫu nhiên không ảnh hưởng đến cấu trúc di truyền của quần thể. | ¨ | þ |
|  | d. Yếu tố ngẫu nhiên có thể làm thay đổi tần số allele trong quần thể. | þ | ¨ |
| **16** | **Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.** |
|  | a. Tiến hóa nhỏ là sự thay đổi tần số allele trong quần thể qua các thế hệ. | þ | ¨ |
|  | b. Tiến hóa lớn liên quan đến sự hình thành các loài mới. | þ | ¨ |
|  | c. Tiến hóa nhỏ không ảnh hưởng đến tiến hóa lớn. | ¨ | þ |
|  | d. Tiến hóa lớn chỉ xảy ra ở những loài có quần thể lớn. | ¨ | þ |
| **17** | **Ứng dụng của thuyết tiến hóa trong nông nghiệp.** |
|  | a. Thuyết tiến hóa chỉ áp dụng cho các loài động vật. | ¨ | þ |
|  | b. Thuyết tiến hóa không có giá trị trong nông nghiệp. | ¨ | þ |
|  | c. Ứng dụng thuyết tiến hóa giúp cải thiện chất lượng giống cây trồng và vật nuôi. | þ | ¨ |
|  | d. Thuyết tiến hóa giúp tạo ra các giống cây trồng và vật nuôi có năng suất cao hơn. | þ | ¨ |
| **18** | **Vai trò của chọn lọc tự nhiên trong sự thay đổi di truyền.** |
|  | a. Chọn lọc tự nhiên giúp duy trì những đặc điểm có lợi cho sinh vật trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | b. Chọn lọc tự nhiên có thể làm thay đổi tần số allele trong quần thể. | þ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc tự nhiên không ảnh hưởng đến sự tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | d. Chọn lọc tự nhiên chỉ xảy ra ở những loài có tốc độ sinh sản nhanh. | ¨ | þ |
| **19** | **Sự khác biệt giữa chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.** |
|  | a. Chọn lọc nhân tạo được con người áp dụng để tạo ra các giống cây trồng và vật nuôi có đặc điểm mong muốn. | þ | ¨ |
|  | b. Chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo đều dựa trên sự thay đổi di truyền. | þ | ¨ |
|  | c. Chọn lọc nhân tạo không bao giờ tạo ra những biến đổi di truyền mới. | ¨ | þ |
|  | d. Chọn lọc tự nhiên luôn có hiệu quả hơn chọn lọc nhân tạo. | ¨ | þ |
| **20** | **Quan điểm hiện đại về tiến hóa.** |
|  | a. Thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại kết hợp lý thuyết của Darwin và các phát hiện di truyền học mới. | þ | ¨ |
|  | b. Thuyết tiến hóa hiện đại cho rằng biến dị di truyền không ảnh hưởng đến tiến hóa. | ¨ | þ |
|  | c. Tiến hóa là quá trình thay đổi tần số allele trong quần thể qua các thế hệ. | þ | ¨ |
|  | d. Thuyết tiến hóa hiện đại không chấp nhận lý thuyết của Darwin. | ¨ | þ |